

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ L1 Sơn;

2. Ông Lê Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh H tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay hơn 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan trọng trong cuộc sống, anh H không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến mâu

thuần ngày trầm trọng và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Từ khi không còn sống chung vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1996 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 2000 (các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết). Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị P có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị P yêu cầu ly hôn với bị đơn anh H, anh H có nơi cư trú ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh H là có căn cứ.

[3] Chị P yêu cầu ly hôn với anh H. Chị P và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị P trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm đến gia đình, thường hay cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị P yêu cầu ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị P yêu cầu ly hôn và triệu tập anh H tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh H xuất phát từ việc không đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm gia đình nên thường hay cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống cách

nay khoảng 04 năm cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3.1] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị P xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1996 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 2000. Các con đã thành niên có khả năng lao động, nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.2] Về quan hệ tài sản chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về quan hệ nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị P đối với anh Nguyễn Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01, ngày 19 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Thanh H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Thanh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1996 và Nguyễn Thanh L1, sinh năm 2000. Các con đã thành niên có khả năng lao động, nuôi sống bản thân.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Phạm Thị P xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu

lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Thanh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Phạm Thị P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0009595 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/6/2021. Chị P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

